

**Đặc tả cấu trúc thông tin mẫu Bệnh án Ung Bướu**

Một số kiểu dữ liệu object:

**1.DacDiemLienQuanBenh**

| STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                              | Kiểu dữ liệu    | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                             |
|--------------|--------------------|------------------------------------|-----------------|----------------|--------------------------------------------------------------|
| 1            | DiUng              | Đã từng bị dị ứng hay chưa         | Kiểu true/false |                | Quyết định 2805/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Bộ Y Tế |
| 2            | DiUng_MoTa         | Thời gian dị ứng (tính theo tháng) | Chuỗi           | 250            | Quyết định 2805/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Bộ Y Tế |
| 3            | MaTuy              | Đã từng hút ma túy hay chưa        | Kiểu true/false |                |                                                              |
| 4            | MaTuy_MoTa         | Thời gian hút ma túy               | Chuỗi           | 250            |                                                              |
| 5            | RuouBia            | Đã từng uống rượu bia hay chưa     | Kiểu true/false |                |                                                              |
| 6            | RuouBia_MoTa       | Thời gian uống rượu bia            | Chuỗi           | 250            |                                                              |
| 7            | ThuocLa            | Đã từng hút thuốc lá hay chưa      | Kiểu true/false |                |                                                              |
| 8            | ThuocLa_MoTa       | Thời gian hút thuốc lá             | Chuỗi           | 250            |                                                              |
| 9            | ThuocLao           | Đã từng hút thuốc Lào hay chưa     | Kiểu true/false |                |                                                              |

|    |                               |                                    |                 |     |  |
|----|-------------------------------|------------------------------------|-----------------|-----|--|
| 10 | ThuocLao_MoTa                 | Thời gian hút thuốc<br>lào         | Chuỗi           | 250 |  |
| 11 | Khac_DacDiemLienQuanBenh      | Có tiền sử đặc điểm<br>xã hội khác | Kiểu true/false |     |  |
| 12 | Khac_DacDiemLienQuanBenh_MoTa | Tiền sử đặc điểm xã<br>hội khác    | Chuỗi           | 250 |  |
| 13 | DaiThaoDuong                  | Đái tháo đường                     | Kiểu true/false |     |  |
| 14 | DaiThaoDuong_MoTa             | Thời gian đái tháo<br>đường        | Chuỗi           | 250 |  |
| 15 | CaoHuyetAp                    | Cao huyết áp                       | Kiểu true/false |     |  |
| 16 | CaoHuyetAp_MoTa               | Thời gian cao huyết<br>áp          | Chuỗi           | 250 |  |
| 17 | RoiLoanMoMau                  | Rối loạn mỡ máu                    | Kiểu true/false |     |  |
| 18 | RoiLoanMoMau_MoTa             | Thời gian rối loạn mỡ<br>máu       | Chuỗi           | 250 |  |
| 19 | YeuToGiaDinh                  | Yếu tố gia đình                    | Kiểu true/false |     |  |
| 20 | YeuToGiaDinh_MoTa             | Thời gian yếu tố gia<br>đình       | Chuỗi           | 250 |  |

## 2.DauSinhTon

| STT | TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ    | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU |
|-----|----------|--------------------|----------|--------------|----------------|
| 1   |          | Mach               | Mạch     | Số nguyên    | 4              |
| 2   |          | NhietDo            | Nhiệt độ | Số nguyên    | 4              |
| 3   |          | HuyetAp            | Huyết áp | Chuỗi        | 20             |

|    |                 |                    |           |                  |
|----|-----------------|--------------------|-----------|------------------|
|    |                 |                    |           |                  |
| 4  | NhipTho         | Nhịp thở           | Số nguyên | 4                |
| 5  | CanNang         | Cân nặng (kg)      | Số thực   | 4                |
| 6  | ChieuCao        | Chiều cao (cm)     | Số nguyên | 4                |
| 7  | BMI             | BMI                | Số thực   | 4                |
| 8  | Ngay            | Ngày thực hiện     | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD HH:mm |
| 9  | MaDieuDuong     | Mã điều dưỡng      | Chuỗi     | 25               |
| 10 | TenDieuDuong    | Tên điều dưỡng     | Chuỗi     | 250              |
| 11 | VongBung        | Vòng bụng          | Số nguyên | 4                |
| 12 | VongNguc        | Vòng ngực          | Số nguyên | 4                |
| 13 | VongDau         | Vòng đầu           | Số nguyên | 4                |
| 14 | SPO2            | SPO2               | Số nguyên | 4                |
| 15 | ChieuDaiKhiSinh | Chiều dài khi sinh | Số nguyên | 4                |
| 16 | NhipTim         | Nhịp tim           | Số nguyên | 4                |

### 3.LichSuChuyenKhoa

| STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ    | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                         |
|--------------|--------------------|----------|--------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1            | TenKhoa            | Tên khoa | Chuỗi        | 250            | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| 2            | MaKhoa             | Mã khoa  | Chuỗi        | 25             | Quyết định 5937/QĐ-                                                      |

|   |                   |                           |           |                     |                                                               |
|---|-------------------|---------------------------|-----------|---------------------|---------------------------------------------------------------|
|   |                   |                           |           |                     | BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5         |
| 3 | NgayChuyenKhoa    | Ngày chuyển khoa          | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                               |
| 4 | SoNgayDieuTriKhoa | Số ngày điều trị tại khoa | Số nguyên | 3                   |                                                               |
| 5 | NgayGioKetThuc    | Ngày giờ kết thúc         | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                               |
| 6 | MaICD             | Mã ICD                    | Chuỗi     | 10                  | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| 7 | TenICD            | Tên ICD                   | Chuỗi     | 250                 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |

#### 4.HoSo

| STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                 | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU |
|--------------|--------------------|-----------------------|--------------|----------------|------------------|
| 1            | XQuang             | Hồ sơ chụp X-quang    | Số nguyên    | 3              |                  |
| 2            | CTScanner          | Hồ sơ chụp CT-Scanner | Số nguyên    | 3              |                  |
| 3            | SieuAm             | Hồ sơ siêu âm         | Số nguyên    | 3              |                  |
| 4            | XetNghiem          | Hồ sơ xét nghiệm      | Số nguyên    | 3              |                  |
| 5            | Khac               | Các loại hồ sơ khác   | Số nguyên    | 3              |                  |
| 6            | Khac_MoTa          | Mô tả các hồ sơ khác  | Chuỗi        | 500            |                  |

|   |            |               |           |   |  |
|---|------------|---------------|-----------|---|--|
| 7 | ToanBoHoSo | Toàn bộ hồ sơ | Số nguyên | 5 |  |
|---|------------|---------------|-----------|---|--|

**Bảng mô tả định dạng**

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                                                                                            | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                 |
|----------|----------------|--------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------|--------------------------------------------------|
| I        | Định danh      | 1.1          | MaQuanLy           | Mã quản lý: mã duy nhất trong 1 đợt khám chữa bệnh (kcb), không trùng giữa các đợt kcb khác nhau | Số nguyên    | 25             |                                                  |
| I        | Định danh      | 1.2          | MA_LK              | Mã liên kết                                                                                      | Chuỗi        | 25             |                                                  |
| I        | Định danh      | 1.3          | IDMauPhieu         | ID mẫu phiếu                                                                                     | Số nguyên    | 5              |                                                  |
| I        | Định danh      | 1.4          | TenMauPhieu        | Tên mẫu phiếu                                                                                    | Chuỗi        | 250            |                                                  |
| II       | Hành chính     | 2.1          | MaYTe              | Mã y tế                                                                                          | Chuỗi        | 25             |                                                  |
| II       | Hành chính     | 2.2          | MaBenhNhan         | Mã bệnh nhân                                                                                     | Chuỗi        | 25             |                                                  |
| II       | Hành chính     | 2.3          | HoVaTenBenhNhan    | Họ tên bệnh nhân                                                                                 | Chuỗi        | 250            |                                                  |
| II       | Hành chính     | 2.4          | NgaySinh           | Ngày sinh                                                                                        | Ngày         | YYYY/MM/DD     |                                                  |
| II       | Hành chính     | 2.5          | Tuoi               | Tuổi                                                                                             | Số nguyên    | 4              |                                                  |
| II       | Hành chính     | 2.6          | GioiTinh           | Giới tính của người bệnh. Giá trị enum gồm:<br>1 – Nam,<br>2 – Nữ,<br>3 – Không biết,            | Số nguyên    | 1              | Theo BHYT:<br>1: Nam; 2: Nữ;<br>3: Chưa xác định |

|           |            |      |               |                    |       |     |                                                                    |
|-----------|------------|------|---------------|--------------------|-------|-----|--------------------------------------------------------------------|
|           |            |      |               | 4 – Chưa xác định. |       |     |                                                                    |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.7  | TenNgheNghiep | Tên nghề nghiệp    | Chuỗi | 250 | Quyết định 34/2020/QĐ-TT, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng  |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.8  | MaNgheNghiep  | Mã nghề nghiệp     | Chuỗi | 4   | Quyết định 34/2020/QĐ-TT, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng  |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.9  | TenDanToc     | Tên dân tộc        | Chuỗi | 250 |                                                                    |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.1  | MaDanToc      | Mã dân tộc         | Chuỗi | 4   |                                                                    |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.11 | TenNgoaiKieu  | Tên ngoại kiều     | Chuỗi | 250 |                                                                    |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.12 | MaNgoaiKieu   | Mã ngoại kiều      | Chuỗi | 4   | Thông tư 07/2016/TT-BCA, ngày 01/02/2016 của Bộ Công an: phụ lục 2 |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.13 | SoNha         | Số nhà             | Chuỗi | 500 |                                                                    |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.14 | ThonPho       | Thôn phố           | Chuỗi | 500 |                                                                    |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.15 | TenPhuongXa   | Tên xã phường      | Chuỗi | 250 | Theo tổng cục thống kê                                             |
| <b>II</b> | Hành chính | 2.16 | MaPhuongXa    | Mã xã phường       | Chuỗi | 10  | Theo tổng cục                                                      |

|            |                    |      |                     |                                                                                                        |           |            |                                                                         |
|------------|--------------------|------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |                    |      |                     |                                                                                                        |           |            | thống kê                                                                |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.17 | TenTinhThanh        | Tên tỉnh thành                                                                                         | Chuỗi     | 250        | Theo tổng cục thống kê                                                  |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.18 | MaTinhThanh         | Mã tỉnh thành                                                                                          | Chuỗi     | 2          | Theo tổng cục thống kê                                                  |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.19 | NoiLamViec          | Nơi làm việc                                                                                           | Chuỗi     | 2048       |                                                                         |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.2  | DoiTuong            | Đối tượng của người bệnh. Giá trị enum gồm:<br>1 – BHYT,<br>2 – Thu phí,<br>3 – Miễn phí,<br>4 – Khác. | Số nguyên | 1          | Quyết định 824/QĐ-BYT, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y Tế: phụ lục 2 |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.21 | SoTheBHYT           | Số thẻ BHYT                                                                                            | Chuỗi     | 25         |                                                                         |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.22 | TheCoGiaTriTuNgay   | Thẻ có giá trị từ ngày                                                                                 | Ngày      | YYYY/MM/DD |                                                                         |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.23 | HoTenDiaChiNguoiNha | Họ tên – địa chỉ người nhà                                                                             | Chuỗi     | 250        |                                                                         |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.24 | SoDienThoaiNguoiNha | SĐT người nhà                                                                                          | Chuỗi     | 15         |                                                                         |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.25 | SoDienThoaiLienLac  | Số điện thoại liên lạc                                                                                 | Chuỗi     | 15         |                                                                         |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.26 | CCCD                | Số CMND/CCCD                                                                                           | Chuỗi     | 12         |                                                                         |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.27 | NhomMau             | Nhóm máu                                                                                               | Chuỗi     | 3          |                                                                         |
| <b>II</b>  | Hành chính         | 2.28 | RH                  | Rh                                                                                                     | Chuỗi     | 3          |                                                                         |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.1  | MaKhoaLamBenhAn     | Mã khoa lâm bệnh án                                                                                    | Chuỗi     | 25         | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30                                         |

|            |                    |     |                  |                                                                                                                      |           |                     |                                                                          |
|------------|--------------------|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|            |                    |     |                  |                                                                                                                      |           |                     | tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5                                 |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.2 | TenKhoaLamBenhAn | Tên khoa làm bệnh án                                                                                                 | Chuỗi     | 250                 | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.3 | Buong            | Buồng phòng                                                                                                          | Chuỗi     | 2048                |                                                                          |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.4 | Giuong           | Giường                                                                                                               | Chuỗi     | 2048                |                                                                          |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.5 | NgayVaoVien      | Ngày vào viện                                                                                                        | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                                          |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.6 | TrucTiepVao      | Trực tiếp vào khoa nào của người bệnh. Giá trị enum gồm:<br>1 – Cấp cứu,<br>2 – Khoa khám bệnh,<br>3 – Khoa điều trị | Số nguyên | 1                   |                                                                          |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.7 | NoiGioiThieu     | Nơi giới thiệu bệnh nhân đến cơ sở y tế. Giá trị enum gồm:<br>1 – Cơ quan y tế,<br>2 – Tự đến,<br>3 – Khác.          | Số nguyên | 1                   |                                                                          |



|     |                    |      |                           |                                                                                    |                        |                     |                                                                          |
|-----|--------------------|------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| III | Quản lý người bệnh | 3.8  | VaoVienDoBenhNayLanThuMay | Lần vào viện do bệnh này                                                           | Số nguyên              | 3                   |                                                                          |
| III | Quản lý người bệnh | 3.9  | DanhSachCacLanChuyenKhoa  | Danh sách các lần chuyển khoa (không tính 3 khoa đầu tiên, chỉ tính từ khoa thứ 4) | List<LichSuChuyenKhoa> |                     |                                                                          |
| III | Quản lý người bệnh | 3.1  | TenVienChuyenBenhNhanDien | Bệnh viện tuyến sau                                                                | Chuỗi                  | 2048                | Theo BHYT                                                                |
| III | Quản lý người bệnh | 3.11 | MaVienChuyenBenhNhanDien  | Mã bệnh viện tuyến sau                                                             | Chuỗi                  | 25                  | Theo BHYT                                                                |
| III | Quản lý người bệnh | 3.12 | MaCoSoKhamChuaBenh        | Mã cơ sở khám chữa bệnh                                                            | Chuỗi                  | 25                  | Theo BHYT                                                                |
| III | Quản lý người bệnh | 3.13 | TenCoSoKhamChuaBenh       | Tên cơ sở khám chữa bệnh                                                           | Chuỗi                  | 2048                | Theo BHYT                                                                |
| III | Quản lý người bệnh | 3.14 | SoNhapVien                | Số nhập viện                                                                       | Chuỗi                  | 2048                |                                                                          |
| III | Quản lý người bệnh | 3.15 | TenKhoaVao                | Tên khoa vào viện đầu tiên                                                         | Chuỗi                  | 250                 | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| III | Quản lý người bệnh | 3.16 | NgayVaoKhoa               | Ngày vào khoa                                                                      | Ngày giờ               | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                                          |
| III | Quản lý người bệnh | 3.17 | SoNgayDieuTriTaiKhoa      | Số ngày điều trị tại khoa                                                          | Số nguyên              | 3                   |                                                                          |
| III | Quản lý người bệnh | 3.18 | TenKhoaChuyen1            | Tên khoa chuyển 1                                                                  | Chuỗi                  | 250                 | Quyết định 5937/QĐ-                                                      |

|            |                    |      |                    |                         |           |                     |                                                                          |
|------------|--------------------|------|--------------------|-------------------------|-----------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|            |                    |      |                    |                         |           |                     | BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5                    |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.19 | NgayChuyenKhoa1    | Ngày chuyển khoa 1      | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                                          |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.2  | SoNgayDieuTriKhoa1 | Số ngày điều trị khoa 1 | Số nguyên | 3                   |                                                                          |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.21 | TenKhoaChuyen2     | Tên khoa chuyển 2       | Chuỗi     | 250                 | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.22 | NgayChuyenKhoa2    | Ngày chuyển khoa 2      | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                                          |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.23 | SoNgayDieuTriKhoa2 | Số ngày điều trị khoa 2 | Số nguyên | 3                   |                                                                          |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.24 | TenKhoaChuyen3     | Tên khoa chuyển 3       | Chuỗi     | 250                 | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.25 | NgayChuyenKhoa3    | Ngày chuyển khoa 3      | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                                          |

|            |                    |      |                       |                                                                                                                                                                                          |           |                     |            |
|------------|--------------------|------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------|------------|
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.26 | SoNgayDieuTriKhoa3    | Số ngày điều trị khoa 3                                                                                                                                                                  | Số nguyên | 3                   |            |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.27 | ChuyenVien            | Tuyển chuyên viên của người bệnh.<br>Giá trị enum gồm:<br>1 – Tuyển trên,<br>2 – Tuyển dưới,<br>3 – Khác                                                                                 | Số nguyên | 1                   |            |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.28 | NgayRaVien            | Ngày ra viện                                                                                                                                                                             | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |            |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.29 | TinhTrangRaVien       | Tình trạng ra viện của người bệnh.<br>Giá trị enum gồm:<br>1 – Ra viện,<br>2 – Xin về,<br>3 – Bỏ về,<br>4 – Hẹn khám,<br>5 – Chuyển viện,<br>6 – Đưa về,<br>7 – Chuyển viện theo yêu cầu | Số nguyên | 1                   |            |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.3  | TongSoNgayDieuTri     | Tổng số ngày điều trị                                                                                                                                                                    | Số nguyên | 3                   |            |
| <b>III</b> | Quản lý người bệnh | 3.31 | SoLuuTru              | Số lưu trữ                                                                                                                                                                               | Chuỗi     | 50                  |            |
| <b>IV</b>  | Chẩn đoán          | 4.1  | ChanDoan_NoiChuyenDen | Chẩn đoán nơi chuyển đến                                                                                                                                                                 | Chuỗi     | 2048                | Quyết định |

|           |           |     |                            |                                    |       |      |                                                               |
|-----------|-----------|-----|----------------------------|------------------------------------|-------|------|---------------------------------------------------------------|
|           |           |     |                            |                                    |       |      | 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế            |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.2 | MaICD_NoiChuyenDen         | Mã ICD nơi chuyển đến              | Chuỗi | 10   | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.3 | ChanDoan_KKB_CapCuu        | Chẩn đoán khoa khám bệnh / cấp cứu | Chuỗi | 2048 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.4 | MaICD_KKB_CapCuu           | Mã ICD khoa khám bệnh / cấp cứu    | Chuỗi | 10   | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.5 | ChanDoan_KhiVaoKhoaDieuTri | Chẩn đoán vào khoa điều trị        | Chuỗi | 2048 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |

|           |           |      |                            |                           |       |      |                                                               |
|-----------|-----------|------|----------------------------|---------------------------|-------|------|---------------------------------------------------------------|
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.6  | MaICD_KhiVaoKhoaDieuTri_i  | Mã ICD vào khoa điều trị  | Chuỗi | 10   | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.7  | KhiVaoKhoaDieuTri_T        | Chỉ số T lúc vào          | Chuỗi | 5    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.8  | KhiVaoKhoaDieuTri_N        | Chỉ số N lúc vào          | Chuỗi | 5    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.9  | KhiVaoKhoaDieuTri_M        | Chỉ số M lúc vào          | Chuỗi | 5    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.1  | KhiVaoKhoaDieuTri_GiaiDoan | Giai đoạn lúc vào         | Chuỗi | 5    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.11 | BenhChinh_RaVien           | Bệnh chính ra viện        | Chuỗi | 2048 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.12 | MaICD_BenhChinh_RaVien     | Mã ICD bệnh chính ra viện | Chuỗi | 10   | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.13 | KhiRaVien_T                | Chỉ số T lúc ra           | Chuỗi | 5    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.14 | KhiRaVien_N                | Chỉ số N lúc ra           | Chuỗi | 5    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.15 | KhiRaVien_M                | Chỉ số M lúc ra           | Chuỗi | 5    |                                                               |

|           |           |      |                          |                                                                                                |                 |      |                                                               |
|-----------|-----------|------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|---------------------------------------------------------------|
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.16 | KhiRaVien_GiaiDoan       | Giai đoạn lúc ra                                                                               | Chuỗi           | 5    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.17 | BenhKemTheo_RaVien       | Bệnh kèm theo ra viện                                                                          | Chuỗi           | 2048 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.18 | MaICD_BenhKemTheo_RaVien | Mã ICD bệnh kèm theo ra viện                                                                   | Chuỗi           | 10   | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.19 | TaiBien                  | Có tai biến?                                                                                   | Kiểu true/false |      |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.2  | BienChung                | Có biến chứng?                                                                                 | Kiểu true/false |      |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.21 | LyDoTaiBienBienChung     | Lý do tai biến, biến chứng:<br>1.Do phẫu thuật,<br>2.Do gây mê,<br>3.Do nhiễm khuẩn,<br>4.Khác | Số nguyên       | 1    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.22 | TongSoNgayDieuTriSauPT   | Tổng số ngày điều trị sau phẫu thuật                                                           | Số nguyên       | 3    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.23 | TongSoLanPhauThuat       | Tổng số lần phẫu thuật                                                                         | Số nguyên       | 3    |                                                               |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán | 4.24 | ChanDoanTruocPhauThuat   | Chẩn đoán trước phẫu thuật                                                                     | Chuỗi           | 2048 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28                               |

|           |                    |      |                              |                                                                                                                            |           |      |                                                               |
|-----------|--------------------|------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|---------------------------------------------------------------|
|           |                    |      |                              |                                                                                                                            |           |      | tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế                                 |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán          | 4.25 | MaICD_ChanDoanTruocPhauThuat | Mã ICD trước phẫu thuật                                                                                                    | Chuỗi     | 10   | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán          | 4.26 | ChanDoanSauPhauThuat         | Chẩn đoán sau phẫu thuật                                                                                                   | Chuỗi     | 2048 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>IV</b> | Chẩn đoán          | 4.27 | MaICD_ChanDoanSauPhauThuat   | Mã ICD sau phẫu thuật                                                                                                      | Chuỗi     | 10   | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>V</b>  | Tình trạng ra viện | 5.1  | KetQuaDieuTri                | Kết quả điều trị của người bệnh.<br>Giá trị enum gồm:<br>1 – Khỏi,<br>2 – Giảm đỡ,<br>3 – Không thay đổi,<br>4 – Nặng hơn, | Số nguyên | 1    |                                                               |

|          |                    |     |                             |                                                                                                                 |                 |                     |                                                               |
|----------|--------------------|-----|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------------------------------------------------------|
|          |                    |     |                             | 5 – Tử vong.                                                                                                    |                 |                     |                                                               |
| <b>V</b> | Tình trạng ra viện | 5.2 | GiaiPhauBenh                | Kết quả giải phẫu bệnh của người bệnh. Giá trị enum gồm:<br><br>1 – Lành tính,<br>2 – Nghi ngờ,<br>3 – Ác tính. | Số nguyên       | 1                   | Quyết định 2427/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Bộ Y Tế  |
| <b>V</b> | Tình trạng ra viện | 5.3 | NgayTuVong                  | Ngày tử vong                                                                                                    | Ngày giờ        | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                               |
| <b>V</b> | Tình trạng ra viện | 5.4 | NguyenNhanChinhTuVong       | Nguyên nhân chính tử vong                                                                                       | Chuỗi           | 2048                | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>V</b> | Tình trạng ra viện | 5.5 | MaICD_NguyenNhanChinhTuVong | Mã ICD nguyên nhân chính tử vong                                                                                | Chuỗi           | 10                  | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>V</b> | Tình trạng ra viện | 5.6 | KhamNghiemTuThi             | Khám nghiệm tử thi                                                                                              | Kiểu true/false |                     |                                                               |
| <b>V</b> | Tình trạng ra viện | 5.7 | ChanDoanGiaiPhauTuThi       | Chẩn đoán giải phẫu tử thi                                                                                      | Chuỗi           | 2048                |                                                               |
| <b>V</b> | Tình trạng ra viện | 5.8 | MaICD_ChanDoanGiaiPhauTuThi | Mã ICD chẩn đoán GP tử thi                                                                                      | Chuỗi           | 10                  | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28                               |



|           |                    |      |                    |                                                                                                                                                                                                                       |           |      |                               |
|-----------|--------------------|------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|-------------------------------|
|           |                    |      |                    |                                                                                                                                                                                                                       |           |      | tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>V</b>  | Tình trạng ra viện | 5.9  | MaGiamDocBenhVien  | Mã giám đốc bệnh viện                                                                                                                                                                                                 | Chuỗi     | 25   |                               |
| <b>V</b>  | Tình trạng ra viện | 5.1  | TenGiamDocBenhVien | Tên giám đốc bệnh viện                                                                                                                                                                                                | Chuỗi     | 250  |                               |
| <b>V</b>  | Tình trạng ra viện | 5.11 | MaTruongKhoa       | Mã trưởng khoa                                                                                                                                                                                                        | Chuỗi     | 25   |                               |
| <b>V</b>  | Tình trạng ra viện | 5.12 | TenTruongKhoa      | Tên trưởng khoa                                                                                                                                                                                                       | Chuỗi     | 250  |                               |
| <b>V</b>  | Tình trạng ra viện | 5.13 | LyDoTuVong         | Lý do tử vong của người bệnh. Giá trị enum gồm:<br>1 – Do bệnh,<br>2 – Do tai biến điều trị,<br>3 – Khác.                                                                                                             | Số nguyên | 1    |                               |
| <b>V</b>  | Tình trạng ra viện | 5.14 | ThoiGianTuVong     | Thời gian tử vong của người bệnh tính từ thời điểm vào viện. Giá trị enum gồm:<br>1 – Trong 24 giờ vào viện,<br>2 – Sau 24 giờ vào viện và trong 48 giờ vào viện,<br>3 – Trong 72 giờ vào viện và sau 48 giờ vào viện | Số nguyên | 1    |                               |
| <b>VI</b> | Bệnh án            | 6.1  | LyDoVaoVien        | Lý do vào viện                                                                                                                                                                                                        | Chuỗi     | 2048 | Quyết định                    |

|           |         |      |                        |                              |                         |      |                                                                      |
|-----------|---------|------|------------------------|------------------------------|-------------------------|------|----------------------------------------------------------------------|
|           |         |      |                        |                              |                         |      | 2493/QĐ-<br>BYT,ngày 04<br>tháng 8 năm<br>2025 của BYT               |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.2  | QuaTrinhBenhLy         | Quá trình bệnh lý            | Chuỗi                   | 2048 |                                                                      |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.3  | TienSuBenhBanThan      | Tiền sử bệnh bản thân        | Chuỗi                   | 2048 |                                                                      |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.4  | DacDiemLienQuanBenh    | Đặc điểm liên quan bệnh      | DacDiemLienQu<br>anBenh |      |                                                                      |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.5  | TienSuBenhGiaDinh      | Tiền sử bệnh gia đình        | Chuỗi                   | 2048 |                                                                      |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.6  | DauSinhTon             | Dấu sinh tồn                 | DauSinhTon              |      |                                                                      |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.7  | ToanThan               | Khám toàn thân               | Chuỗi                   | 2048 | Quyết định<br>2493/QĐ-<br>BYT,ngày 04<br>tháng 8 năm<br>2025 của BYT |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.8  | BoPhanTonThuong        | Bộ phận tổn thương           | Chuỗi                   | 2048 |                                                                      |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.9  | BoPhanTonThuongHinhAnh | Bộ phận tổn thương: hình ảnh | Chuỗi                   | 2048 |                                                                      |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.1  | BoPhanTonThuongMoTa    | Bộ phận tổn thương: mô tả    | Chuỗi                   | 2048 |                                                                      |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.11 | TamThanThanKinh        | Khám tâm thần, thần kinh     | Chuỗi                   | 150  | Quyết định<br>2493/QĐ-<br>BYT,ngày 04<br>tháng 8 năm<br>2025 của BYT |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.12 | TuanHoan               | Khám hệ tuần hoàn            | Chuỗi                   | 2048 | Quyết định<br>2493/QĐ-<br>BYT,ngày 04                                |

|           |         |      |             |                    |       |      |                                                           |
|-----------|---------|------|-------------|--------------------|-------|------|-----------------------------------------------------------|
|           |         |      |             |                    |       |      | tháng 8 năm 2025 của BHYT                                 |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.13 | HoHap       | Khám hệ hô hấp     | Chuỗi | 2048 | Quyết định 2493/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 8 năm 2025 của BHYT |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.14 | TieuHoa     | Khám hệ tiêu hóa   | Chuỗi | 2048 | Quyết định 2493/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 8 năm 2025 của BHYT |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.15 | CoXuongKhop | Khám cơ xương khớp | Chuỗi | 2048 | Quyết định 2493/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 8 năm 2025 của BHYT |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.16 | TietNieu    | Khám tiết niệu     | Chuỗi | 150  | Quyết định 2493/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 8 năm 2025 của BHYT |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.17 | SinhDuc     | Khám sinh dục      | Chuỗi | 2048 | Quyết định 2493/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 8 năm 2025 của BHYT |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.18 | KhamKhac    | Khám bệnh lý khác  | Chuỗi | 150  | Quyết định 2493/QĐ-                                       |

|           |         |      |                              |                                            |       |      |                                                               |
|-----------|---------|------|------------------------------|--------------------------------------------|-------|------|---------------------------------------------------------------|
|           |         |      |                              |                                            |       |      | BYT, ngày 04 tháng 8 năm 2025 của BHYT                        |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.19 | CacXetNghiemCanLamSangCanLam | Các xét nghiệm cận lâm sàng cần làm        | Chuỗi | 4000 | Quyết định 1227/QĐ-BYT, ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y Tế  |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.2  | TomTatBenhAn                 | Tóm tắt bệnh án                            | Chuỗi | 2048 |                                                               |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.21 | BenhChinh                    | Bệnh chính                                 | Chuỗi | 2048 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.22 | T_KhiVaoKhoaDieuTri          | Thông tin khi vào khoa điều trị: T         | Chuỗi | 4    |                                                               |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.23 | N_KhiVaoKhoaDieuTri          | Thông tin khi vào khoa điều trị: N         | Chuỗi | 4    |                                                               |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.24 | M_KhiVaoKhoaDieuTri          | Thông tin khi vào khoa điều trị: M         | Chuỗi | 4    |                                                               |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.25 | GiaiDoan_KhiVaoKhoaDieuTri   | Thông tin khi vào khoa điều trị: giai đoạn | Chuỗi | 4    |                                                               |
| <b>VI</b> | Bệnh án | 6.26 | BenhKemTheo                  | Chẩn đoán bệnh kèm theo                    | Chuỗi | 2048 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |

|            |          |      |                                     |                                         |       |      |                                                               |
|------------|----------|------|-------------------------------------|-----------------------------------------|-------|------|---------------------------------------------------------------|
| <b>VI</b>  | Bệnh án  | 6.27 | PhanBiet                            | Chẩn đoán phân biệt                     | Chuỗi | 2048 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>VI</b>  | Bệnh án  | 6.28 | TienLuong                           | Tiên lượng                              | Chuỗi | 2048 |                                                               |
| <b>VI</b>  | Bệnh án  | 6.29 | HuongDieuTri                        | Hướng điều trị                          | Chuỗi | 2048 |                                                               |
| <b>VI</b>  | Bệnh án  | 6.3  | MaBacSiLamBenhAn                    | Mã bác sĩ làm bệnh án                   | Chuỗi | 25   |                                                               |
| <b>VI</b>  | Bệnh án  | 6.31 | TenBacSiLamBenhAn                   | Tên bác sĩ làm bệnh án                  | Chuỗi | 250  |                                                               |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.1  | QuaTrinhBenhLyVaDienBie<br>nLamSang | Quá trình bệnh lý và diễn biến lâm sàng | Chuỗi | 150  |                                                               |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.2  | XetNghiemMau                        | Xét nghiệm máu                          | Chuỗi | 1024 | Quyết định 1227/QĐ-BYT, ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y Tế  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.3  | XetNghiemTeBao                      | Xét nghiệm tế bào                       | Chuỗi | 1024 | Quyết định 1227/QĐ-BYT, ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y Tế  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.4  | XetNghiemBenhLyGiaiPhau             | Xét nghiệm bệnh lý giải phẫu            | Chuỗi | 1024 | Quyết định 1227/QĐ-BYT, ngày 11 tháng 4 năm                   |

|            |          |      |                      |                            |                 |      |                                                              |
|------------|----------|------|----------------------|----------------------------|-----------------|------|--------------------------------------------------------------|
|            |          |      |                      |                            |                 |      | 2025 của Bộ Y Tế                                             |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.5  | XQuang               | X Quang                    | Chuỗi           | 1024 |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.6  | SieuAm               | Siêu âm                    | Chuỗi           | 1024 |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.7  | XetNghiemKhac        | Xét nghiệm khác            | Chuỗi           | 1024 | Quyết định 1227/QĐ-BYT, ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y Tế |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.8  | DieuTriTrietDe       | Điều trị triệt để          | Kiểu true/false |      |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.9  | DieuTriTrieuChung    | Điều trị triệu chứng       | Kiểu true/false |      |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.1  | TiaXaTienPhauTaiU    | Tia xạ tiền phẫu: tại u    | Chuỗi           | 2048 |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.11 | TiaXaTienPhauTaiHach | Tia xạ tiền phẫu: tại hạch | Chuỗi           | 2048 |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.12 | TiaXaDonThuanTaiU    | Tia xạ đơn thuần: tại u    | Chuỗi           | 2048 |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.13 | TiaXaDonThuanTaiHach | Tia xạ đơn thuần: tại hạch | Chuỗi           | 2048 |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.14 | TenPhauThuat         | Tên phẫu thuật             | Chuỗi           | 250  |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.15 | TiaXaHauPhauTaiU     | Tia xạ hậu phẫu: tại u     | Chuỗi           | 2048 |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.16 | TiaXaHauPhauTaiHach  | Tia xạ hậu phẫu: tại hạch  | Chuỗi           | 2048 |                                                              |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.17 | HoaChat              | Hóa chất                   | Chuỗi           | 2048 | Thông tư 20/2022/TT-BYT, ngày 31/12/2022 của Bộ Y Tế         |

|            |          |      |                                |                                                                    |           |                     |  |
|------------|----------|------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------|--|
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.18 | SoDot                          | Số đợt                                                             | Chuỗi     | 2048                |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.19 | DapUng                         | Đáp ứng                                                            | Chuỗi     | 2048                |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.2  | MucDoDapUng                    | Mức độ đáp ứng:<br>1:Không đáp ứng,<br>2:bán phần,<br>3: hoàn toàn | Số nguyên | 1                   |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.21 | DieuTriKhac                    | Điều trị khác                                                      | Chuỗi     | 2048                |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.22 | TinhTrangNguoiBenhRaVien       | Tình trạng người bệnh ra viện                                      | Chuỗi     | 2048                |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.23 | HuongDieuTriVaCacCheDoTiepTheo | Hướng điều trị và các chế độ tiếp theo                             | Chuỗi     | 2048                |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.24 | HoSo                           | Thông tin hồ sơ                                                    | HoSo      |                     |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.25 | MaNguoiGiaoHoSo                | Mã người giao hồ sơ                                                | Chuỗi     | 25                  |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.26 | TenNguoiGiaoHoSo               | Tên người giao hồ sơ                                               | Chuỗi     | 250                 |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.27 | MaNguoiNhanHoSo                | Mã người nhận hồ sơ                                                | Chuỗi     | 25                  |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.28 | TenNguoiNhanHoSo               | Tên người nhận hồ sơ                                               | Chuỗi     | 250                 |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.29 | NgayTongKet                    | Ngày tổng kết                                                      | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.3  | MaBacSiDieuTri                 | Mã bác sĩ điều trị                                                 | Chuỗi     | 25                  |  |
| <b>VII</b> | Tổng kết | 7.31 | TenBacSiDieuTri                | Tên bác sĩ điều trị                                                | Chuỗi     | 250                 |  |

Chuỗi Json:

{

"ToBia\_HanhChinh": {  
"MaYTe": "...",  
"MaBenhNhan": "000000001",  
"HoVaTenBenhNhan": "Nguyễn Văn 2",  
"NgaySinh": "2025-12-02T18:37:17.8736725+07:00",  
"Tuoi": 0,  
"GioiTinh": 0,  
"TenNgheNghiep": "Giáo viên",  
"MaNgheNghiep": "02",  
"TenDanToc": "...",  
"MaDanToc": "...",  
"TenNgoaiKieu": "...",  
"MaNgoaiKieu": "...",  
"SoNha": "...",  
"ThonPho": "...",  
"TenPhuongXa": "Phường 2",  
"MaPhuongXa": "79002",  
"TenTinhThanh": "HCM",  
"MaTinhThanh": "79",  
"NoiLamViec": "...",  
"DoiTuong": 0,  
"SoTheBHYT": "GD4792313213456",  
"TheCoGiaTriTuNgay": "2025-12-02T18:37:17.8746727+07:00",  
"HoTenDiaChiNguoiNha": "Nguyễn Văn 3",  
"SoDienThoaiNguoiNha": "0986115115",  
"SoDienThoaiLienLac": "0986115115",  
"CCCD": "311752759",



```
"NhomMau": "O",
"RH": "..."
},
"ToBia_QuanLyNguoiBenh": {
  "MaKhoaLamBenhAn": "K01",
  "TenKhoaLamBenhAn": "...",
  "Buong": "H00002",
  "Giuong": "H00003",
  "NgayVaoVien": "2025-12-02T18:37:17.8756706+07:00",
  "TrucTiepVao": 0,
  "NoiGioiThieu": 0,
  "VaoVienDoBenhNayLanThuMay": 0,
  "TenKhoaVao": "Khoa 4",
  "NgayVaoKhoa": "2025-12-02T18:37:17.8766707+07:00",
  "SoNgayDieuTriTaiKhoa": 0,
  "TenKhoaChuyen1": "...",
  "NgayChuyenKhoa1": "2025-12-02T18:37:17.8766707+07:00",
  "SoNgayDieuTriKhoa1": 0,
  "TenKhoaChuyen2": "...",
  "NgayChuyenKhoa2": "2025-12-02T18:37:17.8766707+07:00",
  "SoNgayDieuTriKhoa2": 0,
  "TenKhoaChuyen3": "...",
  "NgayChuyenKhoa3": "2025-12-02T18:37:17.8766707+07:00",
  "SoNgayDieuTriKhoa3": 0,
  "DanhSachCacLanChuyenKhoa": [
    {
      "TenKhoa": "Khoa 1",
```

```
"NgayChuyenKhoa": "2025-12-02T18:37:17.8766707+07:00",
"SoNgayDieuTriKhoa": 0,
"NgayGioKetThuc": "2025-12-02T18:37:17.8766707+07:00",
"MaICD": "Z00",
"MaKhoa": "K02",
"TenICD": "Khám sức khỏe tổng quát"
},
],
"ChuyenVien": null,
"TenVienChuyenBenhNhanDen": "Bệnh viện xyz",
"MaVienChuyenBenhNhanDen": "01005",
"NgayRaVien": "2025-12-02T18:37:17.8776751+07:00",
"TinhTrangRaVien": null,
"TongSoNgayDieuTri": 6,
"SoLuuTru": "...",
"MaCoSoKhamChuaBenh": "01007",
"TenCoSoKhamChuaBenh": "Bệnh viện xyz",
"MaQuanLy": 150058,
"MA_LK": "...",
"SoNhapVien": "...",
},
"ToBia_ChanDoan": {
"ChanDoan_NoiChuyenDen": "Khám sức khỏe tổng quát",
"MaICD_NoiChuyenDen": "Z00",
"ChanDoan_KKB_CapCuu": "Khám sức khỏe tổng quát",
"MaICD_KKB_CapCuu": "Z00",
"ChanDoan_KhiVaoKhoaDieuTri": "Khám sức khỏe tổng quát",
```

```
"MaICD_KhiVaoKhoaDieuTri": "Z00",
"KhiVaoKhoaDieuTri_T": "Khoa 1",
"KhiVaoKhoaDieuTri_N": "Khoa 2",
"KhiVaoKhoaDieuTri_M": "Khoa 3",
"KhiVaoKhoaDieuTri_GiaiDoan": "Khoa 4",
"BenhChinh_RaVien": "Khám sức khỏe tổng quát",
"MaICD_BenhChinh_RaVien": "Z00",
"KhiRaVien_T": "...",
"KhiRaVien_N": "...",
"KhiRaVien_M": "...",
"KhiRaVien_GiaiDoan": "...",
"BenhKemTheo_RaVien": "Đái tháo đường",
"MaICD_BenhKemTheo_RaVien": "Z00",
"TaiBien": false,
"BienChung": false,
"LyDoTaiBienBienChung": 0,
"TongSoNgayDieuTriSauPT": 0,
"TongSoLanPhauThuat": 0,
"ChanDoanTruocPhauThuat": "Khám sức khỏe tổng quát",
"MaICD_ChanDoanTruocPhauThuat": "Z00",
"ChanDoanSauPhauThuat": "Khám sức khỏe tổng quát",
"MaICD_ChanDoanSauPhauThuat": "Z00"
},
"ToBia_TinhTrangRaVien": {
  "KetQuaDieuTri": null,
  "GiaiPhauBenh": null,
  "NgayTuVong": "2025-12-02T18:37:17.8881957+07:00",
```

```
"LyDoTuVong": null,
"ThoiGianTuVong": null,
"NguyenNhanChinhTuVong": "...",
"MaICD_NguyenNhanChinhTuVong": "Z00",
"KhamNghiemTuThi": false,
"ChanDoanGiaiPhauTuThi": "Khám sức khỏe tổng quát",
"MaICD_ChanDoanGiaiPhauTuThi": "Z00",
"MaGiamDocBenhVien": "CCHN-01/HCM",
"TenGiamDocBenhVien": "Nguyễn Văn 2",
"MaTruongKhoa": "CCHN-03/HCM",
"TenTruongKhoa": "Nguyễn Văn 4"
},
"IDMauPhieu": 396,
"TenMauPhieu": "Bệnh án ung bướu",
"MaQuanLy": 150058,
"LyDoVaoVien": "...",
"QuaTrinhBenhLy": "...",
"TienSuBenhBanThan": "...",
"DacDiemLienQuanBenh": {
"DiUng": false,
"DiUng_MoTa": "...",
"MaTuy": false,
"MaTuy_MoTa": "...",
"RuouBia": false,
"RuouBia_MoTa": "...",
"ThuocLa": false,
"ThuocLa_MoTa": "...",
```

```
"ThuocLao": false,
"ThuocLao_MoTa": "...",
"Khac_DacDiemLienQuanBenh": false,
"Khac_DacDiemLienQuanBenh_MoTa": "...",
"DaiThaoDuong": false,
"DaiThaoDuong_MoTa": "...",
"CaoHuyetAp": false,
"CaoHuyetAp_MoTa": "110/70",
"RoiLoanMoMau": false,
"RoiLoanMoMau_MoTa": "...",
"YeuToGiaDinh": false,
"YeuToGiaDinh_MoTa": "...",
},
"TienSuBenhGiaDinh": "...",
"DauSinhTon": {
  "Mach": 0,
  "NhietDo": 0,
  "HuyetAp": "110/70",
  "NhipTho": 0,
  "CanNang": 0.0,
  "ChieuCao": 0,
  "BMI": 0.0,
  "Ngay": "2025-12-02T18:37:17.8922009+07:00",
  "MaDieuDuong": "CCHN-01/HCM",
  "TenDieuDuong": "Nguyễn Văn 2",
  "VongBung": 0,
  "VongNguc": 0,
```

"VongDau": 0,  
"SPO2": 0,  
"ChieuDaiKhiSinh": 0,  
"NhịpTim": 0  
,  
"ToanThan": "...",  
"BoPhanTonThuong": "...",  
"BoPhanTonThuongHinhAnh": "...",  
"BoPhanTonThuongMoTa": "...",  
"TamThanThanKinh": "...",  
"TuanHoan": "...",  
"HoHap": "...",  
"TieuHoa": "...",  
"CoXuongKhop": "...",  
"TietNieu": "...",  
"SinhDuc": "...",  
"KhamKhac": "...",  
"CacXetNghiemCanLamSangCanLam": "Tổng phân tích tế bào máu",  
"TomTatBenhAn": "...",  
"BenhChinh": "Khám sức khỏe tổng quát",  
"T\_KhiVaoKhoaDieuTri": "Khoa 1",  
"N\_KhiVaoKhoaDieuTri": "Khoa 2",  
"M\_KhiVaoKhoaDieuTri": "Khoa 3",  
"GiaiDoan\_KhiVaoKhoaDieuTri": "Khoa 4",  
"BenhKemTheo": "Đái tháo đường",  
"PhanBiet": "...",  
"TienLuong": "...",

"HuongDieuTri": "...",  
"QuaTrinhBenhLyVaDienBienLamSang": "...",  
"XetNghiemMau": "...",  
"XetNghiemTeBao": "...",  
"XetNghiemBenhLyGiaiPhau": "...",  
"XQuang": "Chụp cánh tay phải thẳng",  
"SieuAm": "Siêu âm tim 4D",  
"XetNghiemKhac": "...",  
"DieuTriTrietDe": false,  
"DieuTriTrieuChung": false,  
"TiaXaTienPhauTaiU": "...",  
"TiaXaTienPhauTaiHach": "...",  
"TiaXaDonThuanTaiU": "...",  
"TiaXaDonThuanTaiHach": "...",  
"TenPhauThuat": "Thay băng, cắt chỉ",  
"TiaXaHauPhauTaiU": "...",  
"TiaXaHauPhauTaiHach": "...",  
"HoaChat": "...",  
"SoDot": "...",  
"DapUng": "...",  
"MucDoDapUng": 0,  
"DieuTriKhac": "...",  
"TinhTrangNguoiBenhRaVien": "Khỏi bệnh",  
"HuongDieuTriVaCacCheDoTiepTheo": "...",  
"HoSo": {  
"XQuang": 0,  
"CTScanner": 0,

```
"SieuAm": 0,  
"XetNghiem": 0,  
"Khac": 0,  
"Khac_MoTa": "...",  
"ToanBoHoSo": 0  
},  
"MaBacSiLamBenhAn": "CCHN-05/HCM",  
"TenBacSiLamBenhAn": "Nguyễn Văn 6",  
"MaNguoiGiaoHoSo": "CCHN-07/HCM",  
"TenNguoiGiaoHoSo": "Nguyễn Văn 8",  
"MaNguoiNhanHoSo": "CCHN-09/HCM",  
"TenNguoiNhanHoSo": "Nguyễn Văn 10",  
"NgayTongKet": "2025-12-02T18:37:17.904204+07:00",  
"MaBacSiDieuTri": "CCHN-011/HCM",  
"TenBacSiDieuTri": "Nguyễn Văn 12",  
"MA_LK": "..."  
}
```